TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-01-2021

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phi Hùng

2. Ông Lê Bình Triệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 514/2021/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/01/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Việt T, sinh năm 1991 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TB, huyện Thới Bình,tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trình bày của ông Huỳnh Việt T tại đơn khởi kiện ngày 26/11/2020:*

Hôn nhân: Ông T và bà D tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 31/8/2011. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất

đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, hiện ông T và bà D đã ly thân, xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà D.

Con chung: Ông T xác định ông và bà D có 01 người con chung tên Huỳnh Việt H, sinh ngày 24/02/2012 (giới tính nam), hiện do ông T nuôi dạy. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Tái ản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:

[1] Ông Huỳnh Việt T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ D, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Bà D có nơi cư trú tại Ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Nguyễn Thị Mỹ D được Tòa án triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, ông Huỳnh Việt T xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T, bà D theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Ông T và bà D tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 31/8/2011. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, ông T và bà D đã ly thân, xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà D. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà D đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, ông T xác định vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa ông T và bà D không đạt được, hiện vợ chồng đã ly thân. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để ông T và bà D có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do bà D vắng mặt

không có lí do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà D là phù hợp.

[4]. Về con chung: Ông T và bà D có 01 người con chung tên Huỳnh Việt H, sinh ngày 24/02/2012 (giới tính nam), hiện do ông T nuôi dạy. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung. Xét thấy con chung đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng sống chung với cha, từ trước đến nay cháu sống ổn định với ông T nên cần chấp nhận cho ông T tiếp tục nuôi dạy con chung. Ông T không đặt ra yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Bà D không trực tiếp nuôi con có quyền quyền thăm con theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

[5] Tài sản chung: Ông T xác định vợ chồng không có tài sản chung. Quá trình giải quyết vụ án, bà D không có ý kiến gì về tài sản nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông T xác định vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Tại xác nhận ngày 21/12/2020 của Ủy ban nhân dân xã TB và quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng phía bà D không có ý kiến phản hồi về vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về nợ chung.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông T phải phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt ông Huỳnh Việt T và bà Nguyễn Thị Mỹ D.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Việt T về việc ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ D.

2.1. Về hôn nhân: Ông Huỳnh Việt T và bà Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Việt H, sinh ngày 24/02/2012 (giới tính nam) cho ông T tiếp tục nuôi dạy. Ông T không đặt ra yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Bà D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

2.3. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 02 tháng 12 năm 2020, ông T có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0011355 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-Chi cục THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã TP;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh